TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2024
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Hiền.

2/ Bà Lê Thị Vân.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Trần Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 161/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 về "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24/5/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Thị Trúc L, sinh năm 1994 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Phạm Hoàng N, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mai Thị Trúc L trình bày:*

Tôi và anh Phạm Hoàng N do quen biết nhau, tìm hiểu khoảng 03 năm thì tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02/2013 ngày 02/01/2013. Sau khi kết

hôn vợ chồng tôi sống chung với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn vào năm 2021. Nguyên nhân mâu thuẫn do chồng tôi ngoại tình, anh N quen với người phụ nữ khác tôi bắt gặp và trực tiếp chứng kiến, anh N sử dụng ma túy, không lo làm ăn cùng chăm sóc nuôi dạy con. Mọi vấn đề trong gia đình đều do tôi lo. Tôi nhiều lần khuyên chồng nhưng không có kết quả. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh N. Vì chúng tôi đã ly thân nhau từ cuối năm 2021 đến nay và không còn liên lạc gì với nhau.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phạm Mai Hoàng H, sinh ngày 04/01/2015 và Phạm Mai Bảo N1, sinh ngày 01/10/2021. Sau khi ly hôn, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con vì từ lúc ly thân đến nay hai con chung do tôi trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Phạm Hoàng N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị L có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh N, chị L.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện, chị L yêu cầu được ly hôn với anh N, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung nên xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh N có nơi cư trú tại xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị L và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02/2013 ngày 02/01/2013 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị L trình bày mâu thuẫn vợ chồng chị bắt đầu phát sinh từ năm 2021 nguyên nhân do anh N quen với người phụ nữ khác, anh N sử dụng ma túy, không lo làm ăn cùng chăm sóc nuôi dạy con. Mọi vấn đề trong gia đình đều do chị L lo liệu. Từ cuối năm 2021 đến nay anh chị sống ly thân, không còn liên lạc gì với nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh N đã phát sinh trong thời gian dài, chị L và anh N ly thân từ năm 2021 đến nay, anh chị cũng không còn liên lạc gì với

nhau. Chị L cũng đã nộp đơn ly hôn một lần vào tháng 5/2022. Trong quá trình giải quyết vụ án chị L giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Anh N mặc dù đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về nội dung vụ án và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Điều đó chứng tỏ anh N đã không còn tha thiết với cuộc sống vợ chồng.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì "vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình" nhưng anh N và chị L không còn quan tâm, tin tưởng nhau, không cùng nhau chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình là vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng nên mâu thuẫn gia đình giữa chị L và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị L và anh N có hai con chung là cháu Phạm Mai Hoàng H, sinh ngày 04/01/2015 và Phạm Mai Bảo N1, sinh ngày 01/10/2021. Từ lúc ly thân đến nay hai con chung do chị L trực tiếp nuôi dưỡng và tại bản tự khai ngày 27/3/2024 cháu H có nguyện vọng mong muốn được tiếp tục sống chung với chị L. Do đó để đảm bảo môi trường sống ổn định của cháu H và cháu N1, cần tiếp tục giao hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Trúc L.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị Trúc L được ly hôn với anh Phạm Hoàng N.

2/. Về con chung: Giao cháu Phạm Mai Hoàng H, sinh ngày 04/01/2015 và cháu Phạm Mai Bảo N1, sinh ngày 01/10/2021 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh N chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L chưa yêu cầu.

Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số 0002538 ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị L đã thi hành xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo và nội dung khác: Anh N, chị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Mỹ Thành Bắc, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Giang